

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 19/2024/HS-ST

Ngày: 24 – 7 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Soái

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến

Bà Hoàng Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thuy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2024/HSST, ngày 25 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức L**, sinh ngày 14/10/1978 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện K, Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh G; có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 1998, bị Toà án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; năm 2006, bị Công an huyện K xử phạt hành chính số tiền 400.000đ về hành vi cưỡng đoạt tài sản; năm 2018 bị Toà án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 01 năm tù, cho hưởng án treo về tội đánh bạc; năm 2020, bị Toà án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc.

2. Họ và tên: **Phạm Văn H**, sinh ngày 05/5/1991 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Phạm Đăng T1, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T2; tiền án, tiền sự: không;

3. Họ và tên: **Nguyễn Tiến B1**, sinh ngày 10/6/1986 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Hồ Thị Thảo N, sinh năm 1997 và có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2020, bị Công an huyện K xử phạt hành chính số tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau; năm 2021, bị Công an xã D, huyện K xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc.

4. Họ và tên: **Đinh Văn C**, sinh ngày 09/4/1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Đinh Văn C1, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hải V1 sinh năm 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Năm 2019, Công an huyện K bị xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T3**, sinh ngày 10/11/1981 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 28/10/1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Trần Thị L2 sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Tất cả các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/3/2024, đến ngày 05/4/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Vũ Thị Thanh G1, sinh năm 1982; có mặt.

Trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985; có mặt.

Trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1991.
Trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
+ Chị Lê Thị Thanh T4, sinh năm 1988.
Trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
+ Anh Phạm Huy V2, sinh năm 1992.
Trú tại: Buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
+ Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1981.
Trú tại: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.
Tất cả người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 30/3/2024, Phạm Huy V2, Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1991) và Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1985) đến nhà Nguyễn Đức L ở thôn B, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để chơi. Cùng thời điểm này có một số người (không xác định được nhân thân, lai lịch) đứng trú mưa tại nhà L. Lúc này, có người hỏi xin L cho cho mọi người tham gia đánh bạc ăn tiền thì L đồng ý. Sau đó, L lấy 02 bộ bài tú lơ khơ để xuống chiếu đã trải sẵn trên nền nhà để B1, C và 03 người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài liêng còn L đi ra ngoài. Khi đánh bạc, những người chơi tự thỏa thuận với nhau nếu ván bài nào có hai người tham gia tố với số tiền 500.000 đồng thì người thắng sẽ bỏ ra 50.000 đồng (tiền xâu) để trả tiền mua bài, thuốc, nước và dọn dẹp nhà cho L. Sau đó, B1 đã thu tiền xâu của nhiều người và đưa cho L. Rồi L cầm số tiền xâu đi mua nước uống, thuốc lá cho những người đánh bạc dùng còn lại 1.000.000 đồng thì L cất giữ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, ba người đàn ông (*không xác định nhân thân*) không chơi nữa đi về nên B1 và C lên ghế ngồi chơi. Sau đó, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn H, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn H1 cùng đến nhà L chơi. Tại đây, H rủ những người có mặt đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài xì lát thì C, B1, H1 và T3 đồng ý. Còn Thị, V2, T2 (sinh năm 1985) và T2 (sinh năm 1991) không tham gia đánh bạc mà ngồi chơi tại phòng khách. Trước khi đánh bạc thì mọi người thống nhất hình thức đánh bạc xì lát như sau: Người cầm cái sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài, chia cho mỗi người 02 lá bài để số bài còn dư trên đĩa nhựa. Sau khi nhận bài, người chơi nào đủ điểm thì dừng, người nào không đủ điểm thì bốc bài, không được bốc thêm quá 03 lá bài. Sau khi những người chơi bốc bài xong, người làm cái có thể lật bài để kiểm tra, người nào có bài lớn hơn sẽ thắng số tiền đã đặt cược từ trước. Thứ tự thắng thua được quy ước giảm dần như sau: Nếu người chơi hoặc cái có 02 con Át (A) thì gọi là “xì bàn”; tiếp đến là “xì lát” (là một con Át và một trong các lá bài 10, J, Q, K); rồi đến “ngũ linh” (tổng 05 con bài cộng lại từ 21 điểm trở xuống, linh nhỏ điểm thắng linh lớn điểm) và sau cùng là tính điểm tổng của các lá bài (thứ tự từ 21 điểm là lớn nhất và theo thứ tự nhỏ dần, các lá bài 10, J,

Q, K được tính 10 điểm; lá bài A được tính 10 điểm nếu bài từ 02 đến 03 lá, tính 01 điểm nếu bài từ 04 đến 05 lá). Những người chơi đặt tiền dưới chiếu bạc, sau khi kết thúc ván bạc sẽ tính tiền thắng, thua trực tiếp. Mỗi ván người chơi đặt cược số tiền thấp nhất là 50.000 đồng và cao nhất đến 800.000 đồng, nếu ai thắng được nhiều tiền sẽ lấy ra 50.000 đồng (tiền xâu) đưa cho chủ nhà để trả tiền mua bài, nước và tiền dọn dẹp nhà. Khi bắt đầu đánh bạc thì H là người cầm cái và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ đã có sẵn, chia bài cho những người tham gia đánh bạc rồi đặt bài dư trên chiếc đĩa nhựa, màu xanh để những người tham gia đánh bạc bốc thêm bài. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày 30/3/2024, khi H, C, B1, H1 và T3 đang đánh bạc thì bị Cơ quan Công an tỉnh Đ phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đức L, Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 14.000.000 đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 đĩa nhựa màu trắng-xanh; 01 chiếu cỏi, có hoa văn màu đỏ; thu giữ trên người Nguyễn Đức L số tiền 1.100.000 đồng tiền xâu.

Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau: Nguyễn Văn H1 sử dụng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, kết quả thắng số tiền 700.000 đồng; Đinh Văn C sử dụng số tiền 1.100.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua số tiền 550.000 đồng; Nguyễn Tiến B1 sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua nhưng không nhớ thua bao nhiêu tiền; Nguyễn Văn T3 sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua số tiền 700.000 đồng; Phạm Văn H sử dụng số tiền 1.900.000 đồng để đánh bạc, kết quả Phạm Văn H thắng số tiền 3.750.000 đồng; Nguyễn Đức L đã thực hiện việc thu tiền xâu rồi đi mua nước, thuốc lá... phục vụ cho những người đánh bạc và còn dư số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-HS ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”;

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L** từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án;

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn C** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến B1** từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án;

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Văn C, Nguyễn Tiến B1 mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H1 và bị cáo T3.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào lúc 16 giờ 30 phút, ngày 30/3/2024, tại khu vực căn phòng nhà bếp của Nguyễn Đức L, ở buôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Đức L đã có hành vi chuẩn bị công cụ, phương tiện và dùng nhà bếp của mình cho Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 đánh bạc thắng thua bằng tiền, dưới hình thức đánh bài xì lát để thu lợi bất chính thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ

phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền trên chiếu bạc là 14.000.000 đồng, 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói và 01 cái đĩa là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để đánh bạc và số tiền 1.100.000 đồng (tiền xâu).

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.....

Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 có đầy đủ khả năng nhận thức được rằng hành vi đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành, vì vậy cần phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các tình tiết nhân thân của từng bị cáo làm căn cứ để quyết định hình phạt.

[3.1] Bị cáo Nguyễn Tiến B1 là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính nhưng lại thực hiện hành vi đánh bạc, bị cáo dùng số tiền 5.000.000đ để đánh bạc (nhiều nhất trong số các bị cáo) nên hình phạt của bị cáo là cao nhất.

[3.2] Bị cáo Phạm Văn H là người rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc, do đó, mức hình phạt của bị cáo H thấp hơn bị cáo B1 nhưng cao hơn các bị cáo còn lại.

[3.3] Bị cáo Đinh Văn C là người trực tiếp tham gia đánh bạc, bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính, do đó, mức hình phạt của bị cáo C cao hơn bị cáo H1 và bị cáo T3 là phù hợp.

[3.4] Bị cáo Nguyễn Đức L không trực tiếp đánh bạc nhưng là người giúp sức, cho các bị cáo khác mượn địa điểm để đánh bạc. Do đó, mức hình phạt của bị cáo nhẹ hơn các bị cáo khác trực tiếp đánh bạc là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hành vi đánh bạc. Do đó, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian ngắn mới các tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các tình tiết tăng nặng: Không.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tất cả các bị cáo sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn H có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần áp dụng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

[5.1] Xét thấy các bị cáo Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục bản thân dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương.

[5.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 có nhân thân tốt nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo H1 và bị cáo T3 có hoàn cảnh khó khăn nên cần miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[5.3] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc. Cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 10.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Đức L số tiền 1.100.000 đồng. Đây là số tiền do Nguyễn Đức L thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

- Đối với số tiền 3.000.000đ thu giữ của chị Nguyễn Thị T2, quá trình điều tra xác định số tiền này không liên quan đến việc đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 283a, bằng hình thức trả lại số tiền 3.000.000đ cho chị Nguyễn Thị T2 là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếu cói có hoa văn màu trắng đỏ; 01 đĩa nhựa màu trắng-xanh, đường kính 18cm. Đây là công cụ, phương tiện mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với căn phòng bếp mà bị cáo Nguyễn Đức L để cho các bị cáo đánh bạc là tài sản chung của bị cáo L và chị Vũ Thị Thanh G1. Căn phòng có trị giá 18.512.000 đồng. Việc bị cáo L cho các bị cáo sử dụng căn phòng bếp để đánh bạc thắng thua bằng tiền thì chị G1 không biết nên cần buộc bị cáo L phải nộp $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng, được xác định là 9.256.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[7] Đối với 03 đối tượng đã có hành vi đánh bài liêng tại nhà của Nguyễn Đức L vào chiều ngày 30/3/2024. Quá trình điều tra không xác định được số tiền mà các đối tượng sử dụng để đánh bạc cũng như không xác định được nhân thân, lai lịch của 03 đối tượng trên nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[1] **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

[1.1] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 30/03/2024, đến ngày 05/4/2024.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H** 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T3** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. (Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/3/2024 đến ngày 05/4/2024. Quy đổi thời gian tạm giữ 01 ngày = 03 ngày cải tạo không giam giữ) bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. (Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/3/2024 đến ngày 05/4/2024. Quy đổi thời gian tạm giữ 01 ngày = 03 ngày cải tạo không giam giữ) bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện K nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn T3.

[1.5] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đinh Văn C** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.6] Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến B1** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Tiến B1 mỗi bị cáo 10.000.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Nguyễn Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) của bị cáo Nguyễn Đức L thu được từ việc đánh bạc.

Theo biên lai thu tiền số 0000519 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Đức L số tiền 9.256.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng) là giá trị căn phòng bếp mà bị cáo L sử dụng làm nơi đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 đĩa nhựa màu trắng xanh, đường kính 18 cm; 02 bộ bài tứ lơ khơ; 01 chiếu cói màu trắng đỏ.

Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức L, Nguyễn Tiến B1, Đinh Văn C, Phạm Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện, VKS tỉnh;
- Công an huyện Krông Ana;
- Cơ quan THAHS Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã D;
- UBND xã B, huyện L;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Soái